

I/. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA

1/. **Kiến thức:** Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng về đọc hiểu ngữ liệu ngoài sách giáo khoa thuộc thể loại: Kịch bản chèo và tuồng, Văn bản thông tin và làm văn.

2/. **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại: Kịch bản chèo và tuồng, Văn bản thông tin ngoài SGK; Viết đoạn văn nghị luận văn học; Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm và Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.

II/. NỘI DUNG KIỂM TRA

1/. **Đọc** (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)

- Kịch bản chèo và tuồng
- Văn bản thông tin

2/. **Viết**

- Viết đoạn văn nghị luận văn học.
- Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.

III/. HÌNH THỨC, CÁCH THỨC KIỂM TRA

1/. **Hình thức:** Tự luận

2/. **Thời gian:** 90 phút.

3/. **Cách thức tổ chức kiểm tra:** Kiểm tra tập trung toàn khối 10

IV/. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGŨ VĂN CUỐI KÌ I, KHỐI LỚP 10

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung		Số câu	Cấp độ tư duy						
					Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
					Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	- Kịch bản chèo và tuồng - Văn bản thông tin	5	2	10 %	2	20 %	1	10 %	40 %
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học.		1	5 %		5 %		10 %		20 %
		Viết bài văn nghị luận xã hội thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hay một quan niệm.		1	7,5 %		10 %		22,5 %		40 %
Tỉ lệ %					22,5 %		35 %		42,5 %		100 %

Tổng	7	100 %
------	---	-------

VI. BẢN ĐẶC TẢ YÊU CẦU CÁC KĨ NĂNG, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao	
1	1. Đọc hiểu	1. Kịch bản chèo và tuồng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo. - Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại và hành động của nhân vật tuồng, chèo. - Nhận biết được nhân vật, tuyến nhân vật và cốt truyện trong kịch bản tuồng, chèo. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo. - Phân tích, lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong kịch bản tuồng, chèo. - Phân tích được đặc điểm của nhân vật tuồng, chèo và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ vở tuồng / chèo. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do vở tuồng/chèo gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân về con người, cuộc sống. <p>Vận dụng cao:</p>	2 câu	2 câu	1 câu		40

		<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. 					
	<p>2. Văn bản thông tin.</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. - Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin. - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả. - Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản. - Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc 					

			<p>thể hiện thông tin chính của văn bản.</p> <p>Vận dụng: Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân.</p> <p>Vận dụng cao: - Đánh giá được mức độ chính xác, khách quan của thông tin trong văn bản dựa trên những căn cứ xác đáng. - Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản</p>					
2	2. Viết	1. Viết đoạn văn nghị luận văn học	<p>Nhận biết: - Xác định được vấn đề nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu: - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của vấn đề</p> <p>Vận dụng: - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề</p> <p>Vận dụng cao: - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>	1*	1*	1*	1*	20
		2. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một	<p>Nhận biết: - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ. - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quen / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực).</p>	1*	1*	1*	1*	40

	quan niệm.	<p>- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Trình bày được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen / quan niệm; những lợi ích của việc từ bỏ thói quen / quan niệm ấy. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm. - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, ... để tăng sức thuyết phục cho lập luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. 					
--	---------------	---	--	--	--	--	--

I/. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA

1/. **Kiến thức:** Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng về đọc hiểu ngữ liệu ngoài sách giáo khoa thuộc thể loại: Truyện, Văn bản thông tin và làm văn

2/. **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại: Truyện và Văn bản thông tin ngoài SGK; Viết đoạn văn nghị luận văn học và viết bài văn nghị luận về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học.

II/. NỘI DUNG KIỂM TRA

1/. **Đọc** (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)

- Truyện;
- Văn bản thông tin.

2/. **Viết**

- Viết đoạn văn nghị luận văn học.
- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học.

III/. HÌNH THỨC, CÁCH THỨC KIỂM TRA

1/. **Hình thức:** Tự luận

2/. **Thời gian:** 90 phút.

3/. **Cách thức tổ chức kiểm tra:** Kiểm tra tập trung toàn khối 11

VI/. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGŨ VĂN CUỐI KÌ I, KHỐI LỚP 11

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung		Số câu	Cấp độ tư duy						
					Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
					Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	- Truyện - Văn bản thông tin	5	2	10 %	2	20 %	1	10 %	40 %
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học.		1	5 %		5 %		10 %		20 %
		Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học.		1	7,5 %		10 %		22,5 %		40 %
Tỉ lệ %					22,5 %		35 %		42,5 %		100 %
Tổng				7	100 %						

VI/. BẢNG ĐẶC TẢ YÊU CẦU CÁC KỸ NĂNG, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NGŨ VĂN KHỐI 11 CUỐI KÌ I

TT	Kỹ năng	Đơn vị kiến	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức	Tỉ lệ %
----	---------	-------------	-----------------	----------------------------------	---------

		thức/Kĩ năng		Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao	
1	1. Đọc hiểu	1. Truyện / Truyện ngắn	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại. - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại. - Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn, tiểu thuyết. - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của nhân vật trong truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật. - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm. 	2 câu	2 câu	1 câu		40

		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm. 					
	<p>2. Văn bản thông tin</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, thông tin chính của văn bản, các chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của văn bản <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. - Lý giải được cách đặt nhan đề của tác giả. - Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản. 					

			<p>- Rút ra thông điệp, bài học từ nội dung văn bản</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Trình bày thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết.</p>					
2	Viết	1. Viết đoạn văn nghị luận văn học	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được vấn đề cần nghị luận</p> <p>- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của vấn đề</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề.</p> <p>- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.</p>	1*	1*	1*	1*	20
		2. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm văn học	<p>Nhận biết:</p> <p>- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.</p> <p>- Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.</p> <p>- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.</p> <p>- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.</p> <p>- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.</p>	1*	1*	1*	1*	40

		<ul style="list-style-type: none">- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.- Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.- Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
--	--	--	--	--	--	--	--

I/. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA

1/. **Kiến thức:** Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng về đọc hiểu ngữ liệu ngoài sách giáo khoa thuộc thể loại: Nhật kí, phóng sự, hồi kí; Văn tế, thơ; Văn nghị luận và làm văn

2/. **Kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng đọc hiểu một văn bản thuộc các thể loại: Nhật kí, phóng sự, hồi kí; Văn tế, thơ; Văn nghị luận ngoài SGK; Viết đoạn văn nghị luận văn học và viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

II/. NỘI DUNG KIỂM TRA

1/. **Đọc** (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa)

- Nhật kí, phóng sự, hồi kí
- Văn tế, thơ
- Văn nghị luận

2/. **Viết**

- Viết đoạn văn nghị luận văn học.
- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

III/. HÌNH THỨC, CÁCH THỨC KIỂM TRA

1/. **Hình thức:** Tự luận

2/. **Thời gian:** 90 phút.

3/. **Cách thức tổ chức kiểm tra:** Kiểm tra tập trung toàn khối 12

IV/. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGŨ VĂN CUỐI KÌ I, KHỐI LỚP 12

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu <ul style="list-style-type: none">- Nhật kí, phóng sự, hồi kí;- Văn tế, thơ;- Văn nghị luận	5	2	10 %	2	20 %	1	10 %	40 %
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học.	1	5 %		5 %		10 %		
		Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	1	7,5 %		10 %		22,5 %		40 %

Tỉ lệ %		22,5 %	35 %	42,5 %	100 %
Tổng	7	100 %			

VI. BẢN ĐẶC TẢ YÊU CẦU CÁC KĨ NĂNG, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NGỮ VĂN KHỐI 12 CUỐI KÌ I

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao	
1	1. Đọc hiểu	1. Nhật kí, phóng sự, hồi kí	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong phóng sự, hồi kí, nhật kí. - Nhận biết được những dấu hiệu phân biệt giữa phóng sự, hồi kí và nhật kí. - Nhận biết được yếu tố phi hư cấu trong tác phẩm. Chỉ ra được những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các sự kiện chính trong tác phẩm. - Phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong phóng sự, hồi kí, nhật kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm. - Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản. 	2 câu	2 câu	1 câu		40

		<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng trong văn bản. Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản. - Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân. 					
	2. Văn tế, thơ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ. - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ. - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ. 					

		<p>- Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mỹ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có). - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ. - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ. - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ. - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ. 					
--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>3. Văn nghị luận</p> <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. - Nhận biết được một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ). - Chỉ ra được được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản. - Nhận biết được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí giải được mối liên hệ giữa nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. - Đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản. - Tiếp cận và đánh giá được nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích. - Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận (chẳng hạn chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) trong văn bản để đạt được mục đích. - Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này. - Lí giải được cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận để đạt được mục đích. 					
--	--	--	--	--	--	--	--

			<p>Vận dụng: Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.</p> <p>Vận dụng cao: Thể hiện được quan điểm riêng trong tiếp nhận, đánh giá văn bản.</p>					
2	Viết	1. Viết đoạn văn nghị luận văn học	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vấn đề cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của vấn đề <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. 	1*	1*	1*	1*	20
		2. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến tuổi trẻ của vấn đề. 	1*	1*	1*	1*	40

		<ul style="list-style-type: none">- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.- Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ.- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.- Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 12 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
--	--	---	--	--	--	--	--